TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/DS-ST
Ngày: 24-4-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Cương

Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thanh T_NĐ, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp NT, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang. *(có mặt)*

Bị đơn: bà Trần Thị K_BĐ, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp NT, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-12-2018, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Bà K_BĐ là chủ hụi, bà T_NĐ có tham gia chơi 01 dây hụi gồm 40 phần

hụi, mỗi phần hụi là 1.000.000đ, một tháng khui hụi 1 lần. Bắt đầu áp hụi vào ngày 10/8/2014al. Bà T_NĐ hốt hụi lần thứ 36 được số tiền là 35.000.000đ. Sau khi trừ các khoản gồm tiền cò (huê hồng) 500.000đ, trả trước 4 lần hụi chết bằng 4.000.000đ, còn lại số tiền phải giao là 30.500.000đ. Sau đó bà K_BĐ giao tiền hụi cho bà T_NĐ được 15.000.000đ hiện còn nợ là 15.500.000đ.

Bà T_NĐ cho rằng bà K_BĐ trình bày là đã giao cho bà T_NĐ số tiền 20.000.000đ (chênh lệch 5.000.000đ so với bà T_NĐ trình bày) là không đúng vì bà K_BĐ chỉ có giao được 15.000.000đ. Việc giao nhận tiền không có làm giấy tờ.

Việc chơi hụi chỉ có danh sách hụi mà bà T_NĐ đã nộp cho Tòa án, ngoài ra không có giấy tờ gì. Bà T_NĐ không có tài liệu gì chứng minh về việc bà K_BĐ còn nợ số tiền 15.500.000đ.

Bà T_NĐ khởi kiện yêu cầu bà K_BĐ trả số tiền 15.500.000đ.

Bị đơn bà K_BĐ rình bày như sau:

Bà K_BĐ thừa nhận bà là chủ hụi và bà T_NĐ là hụi viên, bà T_NĐ tham gia 1 chân hụi. Mỗi chân hụi 1.000.000đ, một tháng khu hụi 1 lần, bắt đầu khui vào ngày 10/8/20104al. Dây hụi ban đầu 40 chân hụi nhưng trong quá trình chơi có 1 tay em là bà Mót bỏ trốn nên có thỏa thuận bỏ ra nên còn 39 phần hụi.

Bà T_NĐ hốt hụi vào lần thứ 35 nên số tiền được lãnh là 34.000.000đ. Khấu trừ 4 lần hụi chết bằng 4.000.000đ, còn lại phải giao là 30.000.000đ. Bà K_BĐ đã giao được 20.000.000đ; còn nợ lại 10.000.000đ (trong đó có 4.000.000đ có thỏa thuận trả dần khi mãn hụi).

Theo yêu cầu của bà T_NĐ, bà K_BĐ chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 10.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng trả 500.000đ vào ngày 30al hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T_NĐ thống nhất theo ý kiến bà K_BĐ trình bày là bà hốt hụi lần thứ 35 và số tiền được lĩnh là 34.000.000đ. Từ đó, xin thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà K_BĐ trả bằng 14.500.000đ.

Bị đơn bà K_BĐ thừa nhận số tiền hụi như bà T_NĐ trình bày nhưng cho rằng khi giao tiền hụi là giao được 20.000.000đ chứ không phải giao 15.000.000đ như bà T_NĐ trình bày. Do đó, đồng ý trả số tiền hụi còn lại là 10.000.000đ (chưa trừ tiền cò) và xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với họ tên của bị đơn, tại phiên tòa nguyên đơn xác định vẫn kiện đối với bà K_BĐ và đề nghị ghi đúng họ tên nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: do bà K_BĐ trình bày không được bà T_NĐ thừa nhận và bà cũng không có tài liệu gì chứng minh nên không có cơ sở xác định bà K_BĐ đã giao được 20.000.000đ. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T_NĐ, buộc bà K_BĐ trả số tiền hụi còn nợ là 14.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi nên quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện (giảm số tiền yêu cầu bị đơn trả) nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận. Đối với họ tên của bị đơn bà K_BĐ, theo đơn khởi kiện bà T_NĐ ghi bà K_BĐ tên Huỳnh Thị K_BĐ nhưng tại phiên tòa bà K_BĐ xác định mình họ Trần. Sau khi kiểm tra căn cước, cho thấy bà K_BĐ tên Trần Thị K_BĐ. Từ đó, bà T_NĐ xác định và yêu cầu thay đổi họ tên bị đơn là Trần Thị K_BĐ. Thấy rằng việc thay đổi này nằm trong phạm vi khởi kiện và cũng nhằm giải quyết triệt để vụ án nên HĐXX chấp nhận và điều chỉnh họ tên bị đơn là Trần Thị K_BĐ.

[3] Nguyên đơn trình bày được bị đơn thừa nhận sự việc: Bà K_BĐ là chủ hụi, bà T_NĐ là hụi viên tham gia chơi 01 chân hụi trong dây hụi ban đầu là 40 người; mỗi chân hụi 1.000.000đ, khui hụi vào ngày 10/8/2014al; hụi đã mãn vào năm 2017. Bà T_NĐ hốt hụi và lần thứ 35 với số tiền được lĩnh là 34.000.000đ; trừ tiền cò (huê hồng) 500.000đ và trả trước 4 lần hụi chết bằng 4.000.000đ; số tiền bà K_BĐ phải giao cho bà T_NĐ là 29.500.000đ. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những*

tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, nguyên đơn bà T_NĐ không phải chứng minh về sự việc trên.

[4] Về số tiền bà K_BĐ đã trả cho bà T_NĐ, theo bà K_BĐ khai bà đã giao được 20.000.000đ; bà T_NĐ khai bà K_BĐ chỉ giao 15.000.000đ. Trong trường hợp này bà K_BĐ là người phải có nghĩa vụ chứng minh về số tiền đã trả theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã yêu cầu bà K_BĐ cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bà xác định khi giao không có làm văn bản nên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án và xét thấy lời trình bày của bà K_BĐ là không có cơ sở nên không chấp nhận. Vì vậy, xác định sau khi bà T_NĐ hốt hụi thì bà K_BĐ mới chỉ giao được 15.000.000đ như thừa nhận của bà T_NĐ.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, bà K_BĐ là chủ hụi nhưng không giao đủ số tiền cho hụi viên được lĩnh là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 nên phát sinh nghĩa vụ trả tiền. HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà K_BĐ trả cho bà T_NĐ số tiền 14.500.000đ (=29.500.000đ -15.000.000đ).

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Bị đơn bà K_BĐ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 14.500.000đ x 5% = 725.000đ;

+ Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bà Trần Thị K_BĐ trả cho bà Trần Thanh T_NĐ số tiền hụi là 14.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T_NĐ nếu bà K_BĐ không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi cho bà T_NĐ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Trần Thị K_BĐ chịu 725.000đ.

Nguyên đơn bà Trần Thanh T_NĐ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 387.500đ tại biên lai số 0006060 ngày 28-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh;

3- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-4-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

Lê Chí Công